TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH V

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 9 năm 2023
"V/v: Ly hôn, tranh cấp về con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Sơn

Ông Nguyễn Bằng

- ***Thư ký phiên toà:*** bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Ông Đào Xuân Hiếu - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2023/TLST-HNGĐ ngày18 tháng 5 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39A/2023/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1983,có mặt

Nơi ĐKHKTT: thôn S, xã Y, huyện S, tỉnh V.

Nơi ở hiện nay: Thôn D, xã Ph, huyện S, tỉnh V.

Bị đơn: Anh Nguyễn Chung A, sinh năm 1980, có mặt

Nơi cư trú: thôn S, xã Y, huyện S, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 17/5/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Chung A ngày 17/3/2006, trước khi cưới được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y. Sau khi cưới chị về gia đình anh A chung sống và làm dâu. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng đến năm 2020, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, chị đã từng làm đơn ly hôn, nhưng sau đó anh A và gia đình khuyên giải nên chị đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Nhưng đến cuối năm 2022 đầu năm 2023, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể tiếp tục hàn gắn được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng chị đi ra ngoài và có quan hệ bên ngoài, có con riêng rồi về cản trở công việc và đánh đập chị nên chị xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vợ chồng chị sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ tháng 01/2023 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên chị xin ly hôn anh A.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Quang V, sinh ngày 11/9/2006, cháu Nguyễn Thu Th, sinh ngày 02/02/2010 và cháu Nguyễn Thu Tr, sinh ngày 19/11/2015, hiện nay cháu Th và cháu Tr đang ở cùng với chị, còn cháu V đang học tại thành phố V, tiền học hành, sinh hoạt của cháu vẫn do chị chu cấp. Nếu ly hôn, chị xin nuôi cháu Th và cháu Tr, để anh A nuôi cháu V; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Chung A trình bày: Anh xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như chị H trình bày là đúng. Vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2023, nguyên nhâu mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Sau đó chị H bỏ đi, vợ chồng anh ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Quang V, sinh ngày 11/9/2006, cháu Nguyễn Thu Th, sinh ngày 02/02/2010 và cháu Nguyễn Thu Tr, sinh ngày 19/11/2015. Nếu ly hôn, anh xin được nuôi 02 cháu và không đề nghị chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: mâu thuẫn giữa chị H và anh A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Anh cũng đồng ý ly hôn nên chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh A. Về con chung: Do cháu Tr và cháu Th hiện đang ở cùng chị H, hai cháu là con gái, các cháu đã chuyển trường, để đảm bảo việc chăm sóc và học hành của các cháu nên cần giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr và cháu Th, anh A trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Về án phí: chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị H và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Bị đơn là anh Nguyễn Chung A có địa chỉ tại thôn S, xã Y, huyện S, tỉnh V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Chung A là cuộc hôn nhân hợp pháp, xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm, tin tưởng nhau nên từ đó dẫn đến thường xuyên cãi, chửi nhau. Hiện nay vợ chồng sống đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ.

Xét tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh A mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân anh A cũng đồng ý ly hôn với chị H. Do vậy, đề nghị của chị H xin ly hôn anh A là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Con chung: Xét đề nghị của các bên Hội đồng xét xử thấy rằng: về việc giao nuôi con chung của chị H và anh A thấy rằng: Về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm nuôi con chung của chị H và anh A đều như nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên. Hiện nay, cháu Th và cháu Tr hiện nay đang ở cùng chị H, chị H đã chuyển trường học cho cháu từ xã Y lên xã Ph học. Mặt khác, cả ba cháu đều có nguyện vọng xin được ở với chị H. Để đảm bảo việc học tập, phát triển tâm sinh lý của cháu Th và cháu Tr, vì các cháu đều là con gái, còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc, dạy bảo của người mẹ nên cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th và cháu Tr. Còn cháu V là con trai và hiện cháu đã tự làm được những việc cá nhân của cháu, nên cần giao cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng cháu V là phù hợp. Việc chị H tự nguyện không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị H và anh A không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: cho chị Lê Thị H và anh Nguyễn Chung A được ly hôn.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thu Th, sinh ngày 02/02/2010 và cháu Nguyễn Thu Tr, sinh ngày 19/11/2015 (hiện hai cháu đang ở cùng chị H). Giao cho anh Nguyễn Chung A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quang V, sinh ngày 11/9/2006 (hiện cháu đang học ở V). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau; Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai

số: 0000765 ngày 18/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S. Chị H đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS S;
- UBND xã Y
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp